SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKII

TRƯƠNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ MÔN GDCD LỚP 11

 NĂM HỌC 2018 - 2019

**I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

Bài 11. Chính sách dân số và giải quyết việc làm

1. Chính sách dân số

- Mục tiêu của chính sách dân số.

- Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số.

2. Chính sách giải quyết việc làm

- Mục tiêu của chính sách giải quyết việc làm.

- Phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm.

3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm.

Bài 12. Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Bài 13. Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa

1. Chính sách giáo dục và đào tạo

- Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo.

- Phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Chính sách khoa học và công nghệ

- Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ.

- Phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ

3. Chính sách văn hoá

- Nhiệm vụ của văn hóa.

- Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

4. Trách nhiệm công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá.

Bài 14. Chính sách quốc phòng và an ninh

- Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh.

- Trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh.

**II. MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA**

Câu 1. Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách dân số của nước ta là:

A. Phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục.

B. Động viên, khen thưởng các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

C. Xử lí các đơn vị, cá nhân thực hiện không đúng các chủ trương, biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

D. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Câu 2. Một trong những mục tiêu của chính sách giải quyết việc làm ở nước ta là:

A. Xuất khẩu lao động.

B. Tập trung giải quyết việc làm ở nông thôn.

C. Tập trung giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn.

D. Tập trung giải quyết việc làm ở thành thị.

Câu 3. Trong giai đoạn hiện nay, cơ cấu dân số Việt Nam là:

A. Cơ cấu dân số trẻ. B. Cơ cấu dân số già.

C. Cơ cấu dân số vàng. D. Cơ cấu dân số trung bình.

Câu 4. Một trong những mục tiêu của chính sách giải quyết việc làm của nước ta là:

A. Xuất khẩu lao động. B. Phát triển nguồn nhân lực.

C. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

D. Phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động.

Câu 5. Nói đến chất lượng dân số là nói đến yếu tố nào sau đây?

A. Yếu tố thể chất. B. Yếu tố trí tuệ.

C. Yếu tố thể chất và tinh thần. D. Yếu tố thể chất, trí tuệ và tinh thần.

Câu 6. Mục tiêu của chính sách dân số là

A. tăng cường thực hiện kế hoạch hóa gia đình, giảm tỉ lệ phát triển dân số.

B. tăng cường thực hiện kế hoạch hóa gia đình, hạn chế tốc độ gia tăng dân số.

C. nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ, tinh thần.

D. Ổn định qui mô, cơ cấu dân số, kiểm soát giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh đồng thời nâng cao chất lượng dân số.

Câu 7. Muốn có qui mô, cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lí để phát triển nhanh và bền vững, nước ta cần

A. Khuyến khích tăng dân số. B. Giảm tốc độ gia tăng dân số.

C. Có chính sách dân số đúng đắn. D. Có chính sách di dân hợp lí.

Câu 8. Một trong nhưng phương hướng cơ bản của chính sách dân số của nước ta là:

A. Nâng cao hiểu biết của người dân về biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

B. Nâng cao hiểu biết của người dân về vai trò của gia đình, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản.

C. Nâng cao hiểu biết của người dân về giảm tốc độ gia tăng dân số.

D. Nâng cao hiểu biết của người dân về cải thiện sức khỏe thể chất.

Câu 9. Chính sách dân số có vai trò gì trong chiến lược phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước ta?

A. Là điều kiện cơ bản. B. Là yếu tố quyết định.

C. Là đòn bẩy để phát triển. D. là một bộ phận quan trọng.

Câu 10. Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường là:

A. Khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

B. Khai thác, sử dụng hạn chế tài nguyên thiên nhiên.

C. Khai thác, sử dụng hợp lí, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

D. Khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách có kế hoạch.

Câu 11. Bảo vệ tài nguyên và môi trường là trách nhiêm của

A. Nhà nước. B. toàn dân.

C. Bộ tài nguyên và môi trường. D. nhân viên môi trường, kiểm lâm…

Câu 12. Một trong những việc cần chú ý khi khai thác tài nguyên là:

A. Chỉ được phép khai thác những tài nguyên có thể phục hồi và vô tận.

B. Khai thác nhưng phải bớt lại một phần dự trữ.

C. Chỉ nên dùng máy móc công suất nhỏ khi khai thác để tránh lãng phí.

D. Áp dụng công nghệ hiện đại khi khai thác để tránh lãng phí, bảo vệ môi trường.

Câu 13. Nhà nước quy định mọi tài nguyên đưa vào sử dụng đều phải nộp thuế hoặc trả tiền thuê nhằm mục đích nào dưới đây?

A. Hạn chế sử dụng tài nguyên. B. Sử dụng hợp lí tài nguyên.

C. Tăng ngân sách nhà nước. D. Ngăn chặn khai thác tài nguyên.

Câu 14. Nhà nước ban hành Luật Bảo vệ môi trường là việc làm nhằm mục đích:

A. Tăng cường công tác quản lí của Nhà nước về bảo vệ môi trường.

B. Xử phạt các hành vi vi phạm môi trường.

C. Xây dựng ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân.

D. Thực hiện vai trò quản lí của Nhà nước đối với môi trường.

Câu 15. Chị H mở nhà hàng đặc sản kinh doanh thú rừng. Việc làm của chị H thuộc trường hợp nào sau đây?

A. Kinh doanh hợp pháp, vì công dân có quyền tự do kinh doanh.

B. Kinh doanh hợp pháp, vì mang lại thu nhập chính đáng.

C. Phá hoại tài nguyên, môi trường.

D. Vi phạm Luật Bảo vệ môi trường.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây là một trong các mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường?

A. Khai thác nhiều tài nguyên để đẩy mạnh phát triển kinh tế.

B. Sử dụng hợp lí tài nguyên.

C. Ngăn chặn tình trạng hủy hoại môi trường.

D. Áp dụng công nghệ hiện đại để xử lí chất thải.

Câu 17. Một trong những mục tiêu của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường ?

A. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện môi trường.

B. Tăng tỉ lệ che phủ rừng, bảo vệ động thực vật.

C. Xây dựng hệ thống xử lí chất thải.

D. Bảo tồn đa dạng sinh học.

Câu 18. Cơ sở sản xuất A đã xây dựng dây chuyền xử lí rác thải bằng công nghệ hiện đại. Việc làm này là

A. áp dụng công nghệ hiện đại để xử lí rác thải.

B. chủ động phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm môi trường.

C. đổi mới trang thiết bị sản xuất.

D. tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

Câu 19. Chính sách giao đất, giao rừng của Nhà nước cho nhân dân để thực hiện mục đích nào dưới đây?

A. Chấm dứt tình trạng khái thác rừng bừa bãi.

B. Sử dụng hợp lí, tiết kiệm tài nguyên rừng.

C. Quản lí, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả.

D. Mở rộng diện tích rừng.

Câu 20. Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo ở nước ta là:

A. Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện.

B. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

C. Phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

D. Giữ gìn, phát triển và truyền bá văn minh nhân loại.

Câu 21. Một trong những phương hướng cơ bản của chính sách giáo dục và đào tạo ở nước ta là:

A. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

B. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của giáo dục và đào tạo.

C. Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ văn hóa.

D. Nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ.

Câu 22. Nhà nước huy động mọi nguồn lực để phát triên giáo dục và đào tạo là thực hiện nội dung của phương hướng?

A. Mở rộng quy mô giáo dục. B. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục.

C. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. D. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục.

Câu 23. Một trong những nhiệm vụ của khoa học và công nghệ ở nước ta là

A. Góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

B. Phát triển nguồn nhân lực, cung cấp cho đất nước nguồn nhân lao động có chất lượng.

C. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

D. Thúc đẩy việc áp dụng tiếp bộ khoa học và công nghệ vào đời sống.

Câu 24. Nhà nước đổi mới cơ chế quản lí khoa học và công nghệ là nhằm:

A. Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, lí luận.

B. Tạo thị trường cho khoa học công nghệ phát triển.

C. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng về khoa học và công nghệ.

D. Nâng cao trình độ quản lí của hoạt động khoa học và công nghệ.

Câu 25. Để có thị trường cho khoa học và công nghệ, nước ta phải làm gì?

A. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng.

B. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại.

C. Đầu tư ngân sách của Nhà nước vào khoa học và công nghệ.

D. Huy động các nguồn lực để phát triển khoa học và công nghệ.

Câu 26. Anh T luôn đầu tư nghiên cứu, phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật trong sản xuất. Việc làm của anh T là thực hiện chính sách nào dưới đây?

A. Giáo dục và đào tạo. B. Khoa học và công nghệ.

C. An ninh và quốc phòng. D. Tài nguyên và môi trường.

Câu 27. Đảng và Nhà nước ta coi trọng việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa của đất nước. Việc làm này thể hiện phương hướng nào của Nhà nước để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc?

A. Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc.

B. Tạo điều kiện để nhân dân được tham gia các hoạt động văn hóa.

C. Giữ nguyên các di sản và truyền thống văn hóa của dân tộc.

D. Bảo vệ những gì thuộc về dân tộc.

Câu 28. Việc làm nào dưới đây là góp phần bảo tồn di tích lịch sử?

A. Tu bổ, phục hồi giá trị di tích lịch sử. B. Tháo dỡ, phá hủy di tích lịch sử.

C. Cải tạo, thay thế di tích lịch sử. D. Giữ nguyên hiện trạng di tích lịch sử.

Câu 29. Nhà nước cấp ngân sách xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục qua chương trình kiên cố hóa trường học. Việc làm này thể hiện phương hướng nào dưới đây?

A. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. B. Mở rộng quy mô giáo dục.

C. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục. D. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục.

Câu 30. Nền quốc phòng và an ninh nước ta là:

A. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

B. Nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

C. Nền quốc phòng và an ninh nhân dân.

D. Nền quốc phòng khu vực.

Câu 31. Việc làm nào dưới đây không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc?

A. Đăng kí nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi.

B. Không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ.

C. Tham gia tập luyện quân sự ở trường học.

D. Tham gia tuần tra ban đêm ở địa bàn dân cư.

Câu 32. Nước ta thực hiện “kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh” trong giai đoạn hiện nay vì:

A. Thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

B. Các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá Nhà nước.

C. Nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Các thế lực đang thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”.

Câu 33. Anh B tích cực tham gia hoạt động bảo vệ an ninh tại nơi cư trú. Điều này thể hiện trách nhiệm nào dưới đây của công dân?

A. Nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi thủ đoạn của kẻ thù.

B. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

C. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự.

D. Sẵn sàng tham gia các hoạt động an ninh và quốc phòng.

Câu 34. Ông A là cán bộ xã nhưng ông lại không muốn con trai mình phải thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự. Nếu là người thân trong gia đình ông A, em sẽ khuyên ông A như thế nào?

A. Chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự.

B. Nên cho con đi học để không phải tham gia nghĩa vụ quân sự.

C. Gặp ban chỉ huy quân sự huyện giúp đỡ.

D. Không đăng kí nghĩa vụ quân sự.

Câu 35. H tình cờ phát hiện một nhóm người lợi dụng việc góp ý sửa đổi Hiến pháp để tuyên truyền chống phá Nhà nước . H cần chọn cách làm nào dưới đây?

A. Không quan tâm vì đó là việc của người lớn.

B. Khuyên họ không nên tuyên truyền.

C. Bí mật theo dõi.

D. Báo cáo cơ quan công an.

Câu 36. Yếu tố có ý nghĩa quyết định sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc là ?

A. Sức mạnh dân tộc. B. Sức mạnh thời đại.

C. Sức mạnh của Đảng và Nhà nước. D. Sức mạnh của quốc phòng, an ninh.

Câu 37. Lực lượng nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc là

A. Đảng và Nhà nước. B. Toàn dân.

C. Đảng, Nhà nước và nhân dân. D. Quân đội nhân dân, công an nhân dân.

Câu 38. Kết hợp quốc phòng với an ninh, đó là kết hợp sức mạnh của

A. Lực lượng và thế trận quốc phòng với lực lượng và thế trận an ninh.

B. Lực lượng quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

C. Lực lượng quốc phòng an ninh.

D. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Câu 39. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với chiến lược quốc phòng và an ninh là biểu hiện của

A. Kết hợp kinh tế - xã hội với lực lượng quốc phòng.

B. Kết hợp kinh tế - xã hội với an ninh nhân dân.

C. Kết hợp kinh tế - xã hội với thế trận an ninh.

D. Kết hợp kinh tế - xã hội với an ninh, quốc phòng.

Câu 40. Di sản nào dưới đây là di sản văn hóa phi vật thể?

A. Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên. B. Vịnh Hạ Long.

C. Phố cổ Hội An. D. Cố đô Huế.